

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 26-6-2020.

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Đức.

2. Bà Tạ Thanh Nhạn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Hà Vĩnh Châm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 12/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đào Thị Thu H1, sinh năm 1989 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Quang H2, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 3 năm 2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đào Thị Thu H1 trình bày:**

Chị Đào Thị Thu H1 và anh Nguyễn Quang H2 kết hôn ngày 23 tháng 02 năm 2012, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình, trước khi cưới có thời gian tìm hiểu, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, thường xảy ra xô xát, cãi vã, đỉnh điểm là năm 2016, anh H2 đánh chị H1, khiến chị H1 phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống. Sau đó, được sự động viên của gia đình, chị H1 và anh H2 về chung sống nhưng do anh chị có quá nhiều bất đồng trong cuộc sống nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Từ tháng 6 năm 2019, chị H1 và anh H2 đã sống ly thân. Nay chị H1 xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H2 không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Quang H2. Việc ly hôn chị H1 đã suy nghĩ kỹ và hoàn toàn tự nguyện.

Quá trình chung sống, chị H1 và anh H2 có một con chung là Nguyễn Quang H3, sinh ngày 08 tháng 11 năm 2012, hiện cháu Hải do chị H1 chăm sóc, nuôi dạy. Ly hôn, do cháu H3 còn nhỏ, cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ nên chị H1 có nguyện vọng trực tiếp nuôi dạy cháu Nguyễn Quang H3 và yêu cầu anh H2 cấp dưỡng cho con 3.000.000 đồng/01 tháng, thời gian cấp dưỡng đến khi cháu H3 đủ 18 tuổi.

Chị H1 và anh H2 không có tài sản, công nợ chung, chị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

*** *Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Quang H2 trình bày:***

Về thời gian, điều kiện kết hôn, anh H2 trình bày như chị H1 đã khai. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng mẹ đẻ anh H2 tại phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống, giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp. Khoảng 01 năm trở lại đây, anh H2 và chị H1 đã sống ly thân, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Đến thời điểm hiện tại anh H2 xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H1 không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, chị H1 có đơn xin ly hôn, anh H2 đồng ý ly hôn. Việc ly hôn anh đã suy nghĩ kỹ và hoàn toàn tự nguyện.

Quá trình chung sống, anh và chị H1 có một con chung là Nguyễn Quang H3, sinh ngày 08 tháng 11 năm 2012, hiện cháu H3 do chị H1 trực tiếp nuôi dạy. Ly hôn, chị H1 có nguyện vọng trực tiếp nuôi dạy cháu Nguyễn Quang H3 và yêu cầu anh cấp dưỡng cho con 3.000.000 đồng/01 tháng, thời gian cấp dưỡng đến khi cháu H3 đủ 18 tuổi, anh H2 nhất trí.

Anh H2 và chị H1 tự thỏa thuận giải quyết về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại biên bản xác minh ngày 12 tháng 5 năm 2020, đại diện UBND phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình cung cấp:**

Chị H1 và anh H2 kết hôn năm 2012, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình, tổ chức hôn lễ tại phường L, thành phố T. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống cùng mẹ đẻ anh H2 tại phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống, giữa anh chị thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, thậm chí đánh nhau, chị H1 đã nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ, sau đó vợ chồng hòa giải quay về chung sống. Khoảng 01 năm nay, do mâu thuẫn căng thẳng, chị H1 đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại phường L, thành phố T sinh sống, anh H2, chị H1 đã sống ly thân.

Chị H1 và anh H2 có một con chung là Nguyễn Quang H3, sinh ngày 08 tháng 11 năm 2012, hiện cháu Hải đang sống cùng chị H1, cuộc sống và việc học tập bình thường, cháu phát triển tốt.

Về tài sản, quá trình sinh sống tại địa phương, anh H2, chị H1 không tạo dựng được tài sản chung có giá trị. Về công nợ của anh chị, địa phương không được biết.

*** Phát biểu của Kiểm sát viên:**

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Đào Thị Thu H1 được ly hôn anh Nguyễn Quang H2.

Về nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Nguyễn Quang H3, sinh ngày 08 tháng 11 năm 2012 cho chị Đào Thị Thu H1 trực tiếp nuôi dạy, anh Nguyễn Quang H2 có trách nhiệm cấp dưỡng cho con 3.000.000 đồng/01 tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6 năm 2020 đến khi con đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị H1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh H2 phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Đào Thị Thu H1 khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Quang H2, anh Nguyễn Quang H2 hiện đang cư trú tại phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình, do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đào Thị Thu H1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Quang H2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt nguyên đơn chị Đào Thị Thu H1 và bị đơn anh Nguyễn Quang H2.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị H1 và anh H2 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, tại thời điểm kết hôn, anh chị đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp.

Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình quy định: “1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

Xét thấy, trong quá trình chung sống, giữa chị H1 và anh H2 đã xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, thậm chí đánh nhau do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp, anh chị đã có thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm, tôn trọng nhau. Mặt khác, chị H1 khởi kiện xin ly hôn anh H2, anh H2 đồng ý ly hôn, việc anh H2 không có mặt tại Tòa án theo giấy triệu tập, không tham gia phiên hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện anh H2 đã tự từ bỏ cơ hội khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng cùng chị H1. Như vậy, hôn nhân giữa chị H1, anh H2 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình số 52/2014/QH13, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H1.

[3] Về nuôi con chung: Chị H1 và anh H2 có một con chung là Nguyễn Quang H3, sinh ngày 08 tháng 11 năm 2012. Ly hôn, chị H1 có nguyện vọng trực tiếp nuôi dạy cháu H3 và yêu cầu anh H2 cấp dưỡng cho con 3.000.000 đồng/01 tháng, anh H2 nhất trí, cháu H3 hiện do chị H1 trực tiếp nuôi dạy, cháu cũng có nguyện vọng được sống cùng chị H1 trong trường hợp chị H1, anh H2

ly hôn, do đó, căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H1.

[4] Về chia tài sản: Chị H1 và anh H2 không có yêu cầu, do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh H2 phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 146, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Đào Thị Thu H1 và anh Nguyễn Quang H2.

2. Về nuôi con chung:

Giao con chung Nguyễn Quang H3, sinh ngày 08 tháng 11 năm 2012 cho chị Đào Thị Thu H1 trực tiếp nuôi dạy, anh Nguyễn Quang H2 có trách nhiệm cấp dưỡng cho con H3 3.000.000 đồng/01 tháng (ba triệu đồng một tháng), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6 năm 2020 đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Quang H2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng cho con được đặt ra giải quyết khi có yêu cầu.

3. Về chia tài sản:

Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Đào Thị Thu H1 phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị H1 nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009410 ngày 23 tháng 3 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình thành tiền án phí.

Anh Nguyễn Quang H2 phải nộp 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn chị Đào Thị Thu H1 và bị đơn anh Nguyễn Quang H2 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn: UBND xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình (ĐKKH số 04/2012, quyển số 01, ngày 23/02/2012);
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Linh Nga

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Linh Nga

